

Lesson 70

1. Ba: Oh dear! I hear the siren. We have to hurry down to the shelters.
2. Tân: Don't be afraid, Dad. Perhaps they will only bomb military positions.
3. B: How do you know? They dropped leaflets, didn't they?
4. T: Yes, they told people to stay away from military positions.
5. B: Look! There are the interceptors.
6. T: Those are our planes coming from Phú-bài.
7. B: Look! One plane is burning and crashes. The pilot just bailed out of the plane.
8. T: This time, the enemy was attacked unexpectedly. Many (enemy) planes have been hit.
9. B: Come and see the neighboring village being burned by incendiary bombs.
10. T: They sure did use heavy bombs this time, that's why I hear the explosion very loudly.
11. B: I don't hear the sound of planes anymore now, perhaps they are all down.
12. T: I hope that the enemy has more damage than our troops. The enemy cannot cope with our flying fortresses.

Ngũ-vịng

bất ngờ	suddenly, unexpectedly
bên cạnh	next, neighboring
bom hạng nặng	heavy bombs
còi báo-động	air-raid alert
đấu	to combat, fight
hạ	to bring down
hầm trú-àn	trench, shelter
kêu gọi	to make an appeal
ném, liệng	to throw
pháo-đài bay	flying fortress
rớt	to fall
thiệt-hại	damage
tránh	to get away from
trường bay, phi-trường	airport
truyền đơn	leaflet

Sử-ký Việt-Nam

Trần-Hung-Đạo (tiếp theo và hết)

Đánh quân Mông-Cồ

Mùa xuân năm 1287, vua Mông-Cồ ra lệnh cho Thoát-Hoan
mang 30 vạn quân sang nước Việt đánh (bảo thủ.)

Lần này quân Trần-hung-đạo hăng-hải, có nhiều kinh-
nghiệm nên chiến (thắng) quân địch trên khắp các mặt trận.
Các tướng Mông-Cồ thấy quân mình bị bắt và bị giết nhiều,
lương-thực bị cướp phá mất cả, những đồn hiểm-yếu đều bị
quân Trần-hung-Đạo đánh chiếm, sợ bị thảm-bại như lần trước,
nên bàn với Thoát-Hoan rút quân về. / Thoát-Hoan (nghe theo,)
liền ra lệnh cho quân-sĩ sửa-soạn rút lui theo sông Bạch-
Đằng ra biển.

Trần-hung-Đạo được tin ấy, cho quân đóng cọc nhọn giữa
sông, rồi sai Nguyễn-Khoái mang quân khiêu-chiến. Trần
đó quân Mông-Cồ bị chết nhiều, các danh tướng đều bị bắt.
Thoát-Hoan nghe tin, liền mang quân chạy theo đường bộ, bị
quân Trần-hung-Đạo phục-kích giết hại quá nửa. Bây giờ là
tháng 3 năm 1288.

Quân Mông-Cồ bị đánh thua ba lần (là nhờ) trong nước
Việt-Nam toàn dân đoàn-kết, và nhờ tài-trí của Trần-hung-Đạo,
biết cách điều-khiển quân-sĩ, làm cho họ cương-quyết đánh
đuổi quân xâm-lăng ra khỏi nước Việt.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can
go through it with perfect ease and fluency.

VS. L 76

Ngũ-vịng

bản	to discuss
cương-quyết	to be determined
cướp	to take away by force
danh-tướng	famous general
điều-khiển	to command, conduct
đoàn-kết	to unite
hăng-hái	enthusiastic, eager
hiểm-yếu	strategically important
khieux-chiến	to provoke a fight
kinh-nghiệm	experience
mặt trận	battle front
nhọn	pointed
tài-trí	talent and wit
thảm-bại	tragically defeated

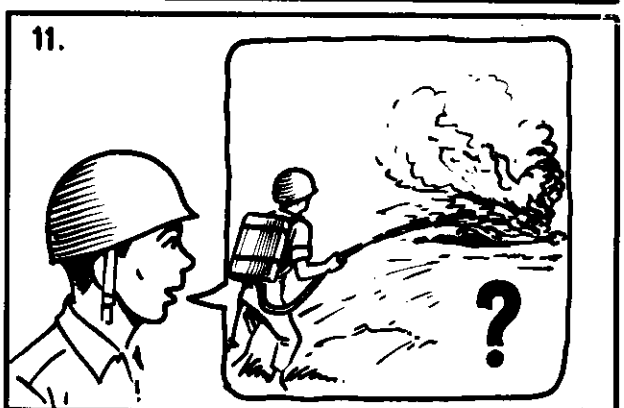
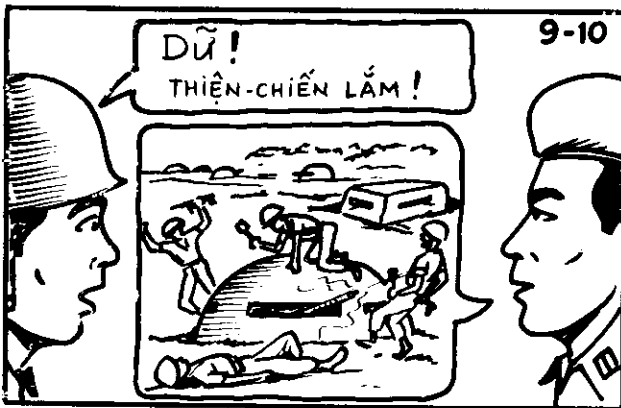
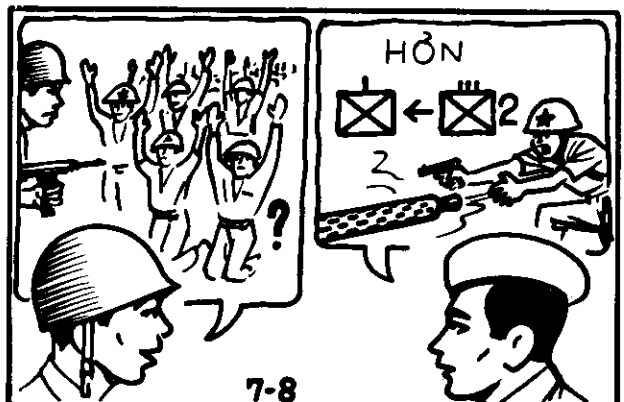
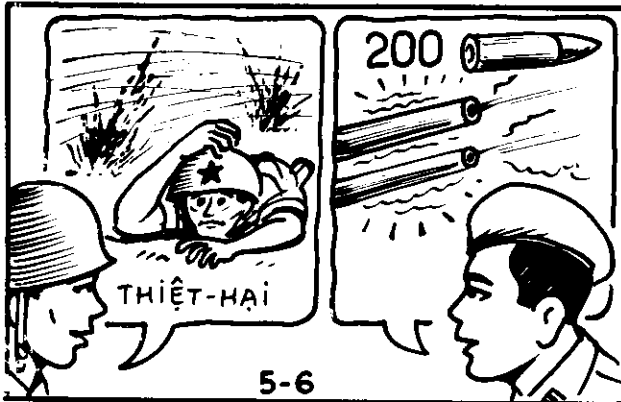
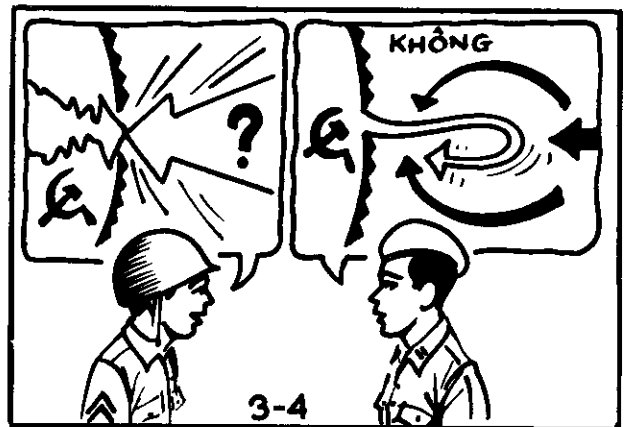
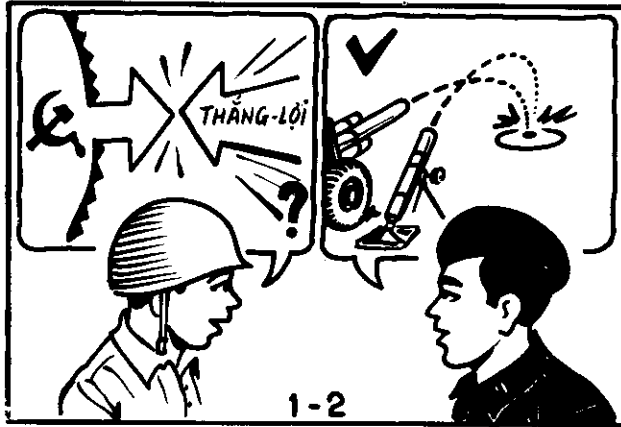
Câu hỏi:

1. Vua Mông-Cồ cho quân sang đánh báo-thù vào năm nào?
2. Thoát-Hoan mang bao nhiêu quân sang đánh nước Việt?
3. Quân Trần-hưng-Đạo có thắng được quân-dịch không?
4. Quân của Thoát-Hoan rút lui theo con đường nào?
5. Nguyễn-Khoái làm gì trong trận Bạch-Đằng?
6. Trong trận Bạch-Đằng, quân Mông-Cồ có chết nhiều không?
7. Trên đường bộ, quân Thoát-Hoan bị ai phục-kích?
8. Quân Trần-hưng-Đạo thắng quân Mông-Cồ mấy lần tất cả?
9. Quân Việt-Nam đánh thắng quân Mông-Cồ là nhờ những gì?

Tục-ngũ Việt-Nam:

¹ TREE MAKES NONE MOUNTAIN
"Một cây làm chẳng nên non,

³ ^{PUT TOGETHER}
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."
^{BIG MOUNTAIN}



BÀI THỨ BẢY MƯƠI MỘT

1. Hạ-sĩ: Thưa đại-ủy, hôm qua trận phản-công của ta có thắng-lợi không?
2. Đại-ủy: Súng cối và đại-bác hôm qua đều bắn trúng đích. Quân-dịch thua to.
3. H.S: Như vậy thì địch phải lùi về hậu-tuyến cả à?
4. Đ.U: Không, chúng chạy không kịp, và chúng ta đã dùng chiến-thuật gọng kìm.
5. H.S: Vậy thì địch bị mắc kẹt và có lẽ bị thiệt-hại nhiều.
6. Đ.U: Đúng, chúng ta bắn những hai trăm viên đạn đại-bác. Lòng súng nóng như lửa.
7. H.S: Thưa đại-ủy, quân ta có bắt được nhiều tù binh không?
8. Đ.U: Khá nhiều, hơn một đại-đội thuộc trung-đoàn cảm-tử độ-nhị.
9. H.S: Dữ! Tôi nghe nói trung-đoàn đó thiện-chiến lắm mà.
10. Đ.U: Nhưng trung-đoàn xung-phong của ta có nhiều pháo-dài xây bằng xi-măng cốt sắt. Địch không làm gì nổi.
11. H.S: Lần này quân ta có dùng máy phun lửa không?
12. Đ.U: Có, lợi hại thật. Ta đã chiến-thắng và cấp trên đã hạ lệnh chiêu nay khao quân.
13. H.S: Hoan-hô tinh-thần chiến-đấu quân-sĩ Việt-Nam!

Lesson 71

1. H_à-s_ĩ: Captain, sir, was our counterattack successful yesterday?
2. Đ_ại-_ũy: Mortars and cannons all hit the targets yesterday.
The enemy was badly defeated.
3. H.S: Was all the enemy pushed back to the front line?
4. Đ.U: No, they couldn't run fast enough. We used double envelopment tactics.
5. H.S: The enemy was trapped (pinned down) and probably suffered heavy casualties.
6. Đ.U: That's right, we fired "two hundred" rounds of ammunition. The barrels of the guns are red hot.
7. H.S: Captain, sir, did our troops capture a lot of prisoners?
8. Đ.U: Quite a lot, more than one company of the second regiment of suicide troops.
9. H.S: So many! I heard they were very good fighters.
10. Đ.U: But our regiment of shock troops has many fortresses built in reinforced concrete. The enemy couldn't do anything.
11. H.S: Did our troops use flame throwers this time?
12. Đ.U: They did, they're sure a big help. We are victorious and the high ranking officers (superiors) gave the order to celebrate tonight.

VS. L 71

13. H.S: Bravo to the fighting spirit of the Vietnamese soldiers!

VS. L 71

Ngũ-vũng

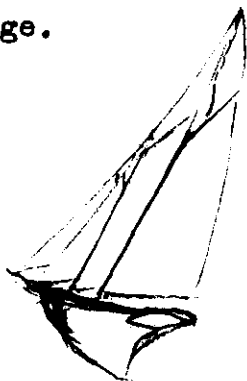
cấp trên	superiors
chiến-thuật	tactics
cốt sắt	reinforcement rods
đệ-nhị	second
đích	target
dữ	so much, so many
gọng kìm	double envelopment
hạ lệnh, ra lệnh	to give an order, to order
khao quân	to celebrate over the victory
không .. nổi, không .. được	not able to.
lô-cốt	blockhouse
lợi hại	effective and powerful
lòng súng	gun barrel
lùi	to go back, withdraw
mắc kẹt	to be blocked up, stranded, pinned down
may phun lửa	flame thrower
phản-công	counter-attack
thắng-lợi	gain, success (military)
thiện-chiến	to fight well, expertly, having fighting experience
thua	defeated
xi-măng	cement
xung phong	military assault
trung-đoàn xung phong	shock troops

PATTERN DRILL

như "as or like" (similar)

- a. Nóng như lửa.
- b. Ngủ như chết.
- c. Tồi như mực.
- d. Dơ như heo.

NOTE: Như is used in phrases expressing likeness as well as in other figures of speech, to add color to the language.



agriculture
Nông-Nghiệp

rice paddies
1. Ruộng và Lúa

majority rice fields (Phần) đông ở (đồng bằng) *delta* nên một số lớn dân chúng Việt-Nam *live* lấy nông-nghiệp làm (căn-bản) *basic* để (sinh sống). *fertile*

1. Ruộng: Cây lúa rất dễ *easy plant* (trồng) vì đất rất phì-nhiều. Ruộng không có nước thì phải "dẫn thủy nhập điền". Ở Bắc-Việt về mùa mưa, *rainy season* (mực) nước lên cao quá thì nông-dân phải *embank* đắp *dikes build dam to avoid* để tránh lụt. Dân nghèo, không mua được (phân) *part* hóa-học để bón ruộng, phải dùng tro và phân súc-vật. Có ruộng cây được 2 mùa mỗi năm: (1) *transplant* mùa *1st* rē cây vào tháng 7 để gặt vào tháng 10, và *2nd* mùa chiêm cây vào tháng chạp, tháng giêng để gặt vào tháng 5 hay tháng 6 năm sau.

2. Lúa: Việt-Nam cây những thứ lúa sau đây:

- 10 month* lúa mùa, thứ lúa cây và gặt thường mỗi năm
- early* lúa sớm, thứ lúa gặt sớm được 1, 2 tháng để trồng (hoa mùa) xen vào *plant grain in addition to*
- 3 month* lúa ba trăng, thứ lúa từ khi cấy đến khi gặt chỉ mất 3 tháng.
- floating* lúa nổi: Thường trồng ở miền Nam-Việt, thứ lúa này *grow* mọc cao lên theo mực nước. *level of water*

Tất cả các thứ đều có 2 loại: *kind* *types* lúa nếp, *and* *very soft* hạt to, dẻo để nấu xôi, làm bánh hay nấu rượu; *stomped glutinous rice* *glutinous* lúa tẻ để ăn hằng ngày.

time *peaceful*
Trong thời bình Việt-Nam đã là nước xuất-cảng *export* gạo *rice*
much *2nd* *world*
nhiều thứ nhì trên thế giới

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

bón	to fertilize
căn-bản	basis
đập	dam
đê	dike
đẻo	pliable, supple
gặt	to harvest
hoa mùa	crop
hột	grain
loại	species, kind
mức	level
nếp	glutinous rice (sweet rice)
nghèo	poor
nông-nghiệp	agriculture
phân hóa-học	chemical fertilizer
phân súc-vật	animal fertilizer
thời bình	peace time
tro	ash
trồng	to grow
xen vào	to insert
xôi	steamed glutinous rice

Câu hỏi:

1. Phần đông người Việt-Nam làm gì để sinh sống?
2. Cây lúa có dễ trồng không? Tại sao?
3. Ở Bắc-Việt về mùa mưa, người nông dân phải làm gì để tránh lụt?
4. Nông-dân Việt-Nam dùng phân gì để bón ruộng?
5. Mỗi năm Việt-Nam có mấy mùa lúa?
6. Mùa chiêm là gì?
7. Lúa ba trăng là gì?
8. Có mấy loại lúa? Lúa gì?
9. Lúa nếp dùng để làm gì?

ring wonder popular proverb
Ca-dao tục-ngữ:

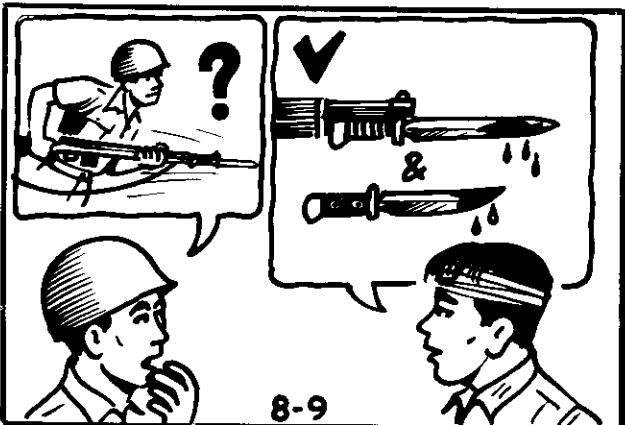
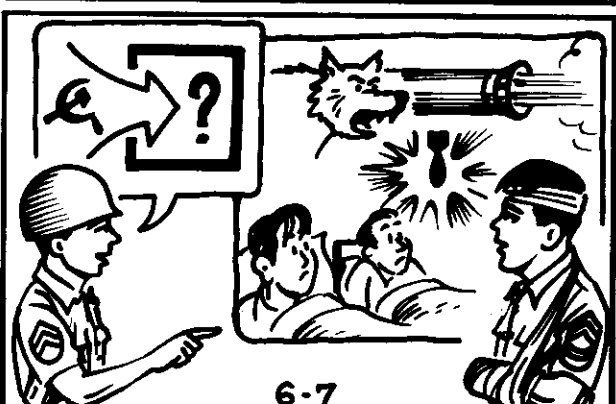
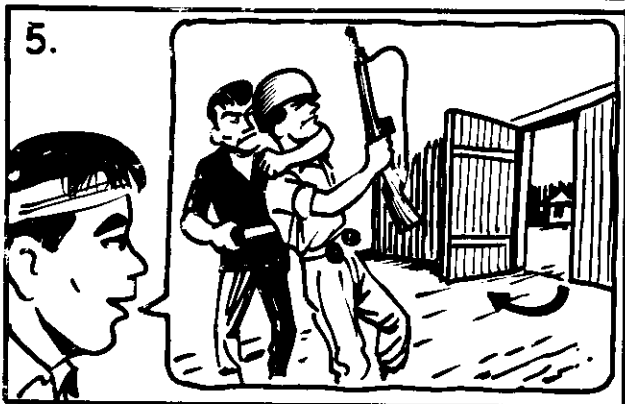
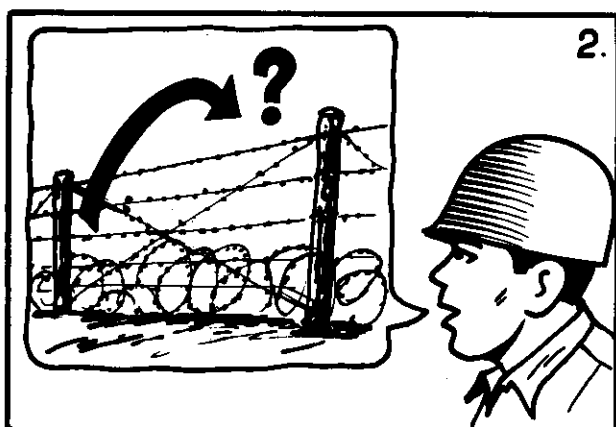
"Bao nhiêu ^{decimeter} tấc đất, tấc ^{gold} vàng bấy nhiêu."
" " " " " " " "

How many (we have)

How many (~~the~~ we got)

How much land we have is how much gold we get.

VS. L 71



BÀI THỨ BẢY MƯƠI HAI

1. Thượng-sĩ: Hồi ba giờ sáng hôm qua đồn của tôi bị tập-kích ghê quá.
2. Trung-sĩ: Quân-địch làm sao mà qua hàng rào dây-kẽm-gai được?
3. Th.S: Chúng dùng thang treo qua hàng rào.
4. Tr.S: Hồi đó người lính gác đồn ở đâu?
5. Th.S: Một tên cảm-tử vô bốp cò và đâm chết tên lính gác ngay tại chỗ, rồi rí của đồn.
6. Tr.S: Về sau Thượng-sĩ làm sao biết chúng vô được?
7. Th.S: Vì có tiếng chó sủa, tiếng đạn ba-dô-ca và đạn súng cối bay vèo-vèo nên mọi người đều thức dậy.
8. Tr.S: Nguy quá! Vậy thì quân trong đồn phải đánh giáp-lá-cà à?
9. Th.S: Đúng rồi. Phải đổ máu nhiều quá! Chúng tôi dùng lưới-lê và dao găm.
10. Tr.S: Địch-quân là quân du-kích hay là quân chính-quy?
11. Th.S: Chúng toàn là dân quân du-kích cả.

Lesson 72

1. Thuợng-sĩ: Our post was fiercely attacked at three o'clock in the morning.
2. Trung-sĩ: How did the enemy get over the barbed wire fence?
3. Th. S: They used ladders to get over the fence.
4. Tr. S: Where was the guard at that time?
5. Th. S: One of the suicide soldiers strangled and stabbed the guard at the spot, then opened the door of the post.
6. Tr. S: How did you know they were inside afterward?
7. Th. S: The dog's bark, the explosion of the bazooka and the mortar shells woke everybody up.
8. Tr. S: How dangerous! You had to fight hand to hand then.
9. Th. S: Right. A lot of bloodshed! We used bayonets and daggers.
10. Tr. S: Were they guerrillas or regular troops?
11. Th. S: They were all guerrillas.

Ngũ-vũng

bóp	squeeze
bóp cổ	to strangle
dao găm	dagger
đâm	to stab
du-kích	guerrilla
ghê quá, dữ quá	fiercely
giáp lá-cà	(hand-to-hand) fighting
quân chính quy	regular troops
sủa	to bark
tập-kích	surprise attack
thức dậy	to wake up
toàn	all, entire
vèo-vèo	with speed, very quickly

~~STAY~~
Truyện Lưu-Bình và Dương-Lễ

Xưa kia có hai người bạn thân, ^{close} làm gì cũng có nhau.
Hai người cùng ở một nhà, ăn chung một ^{tray} mâm, nằm chung một
giường và học chung một sách, ^{under one light} một đèn.

Hai người bạn này nghèo, nhưng lúc nào cũng vui vẻ
chăm học. Sau ba năm ^{studied} đèn sách, hai người ^{got ready} thu xếp đi thi.
Dương-Lễ đậu cao, làm ^{mandarin} quan to. Lưu-Bình thi ^{thai} rất buồn quá!

Một hôm Lưu-Bình đến thăm Dương-Lễ và nghĩ rằng bạn sẽ
qui-hóa mình. Khi đến cửa ^{palace} dinh của Dương-Lễ, Lưu-Bình nói
với người ^{on guard} lính gác: "Anh làm ơn trình với ^{report} quan là Lưu-Bình,
^{old friend} bạn cũ của quan, muốn vô thăm quan." Người lính gác vô trình
Dương-Lễ. Dương-Lễ nói: "Ta ^{we don't have} đâu có bạn nghèo-khò, ^{poor man who is too low} hèn-hạ
như vậy. Anh ra ^{go down to eat} biếu người ấy xuống nhà dưới ăn cơm rồi
đi đi."

Vì ^{hungry} đói quá nên Lưu-Bình phải ^{beat} gặt nước mắt mà ăn. Ăn
cơm xong, Lưu-Bình ra về, ^{worried} buồn-bực vô cùng, ^{very much} giận bạn ^{disgrace} khinh
mình nghèo-khò!

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can
go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

buồn-bực

troubled, worried

đình

palace

gạt

to brush aside

hèn-hạ

vile, low

khinh

to hold in disrespect

nghèo-khò

poor and miserable

nước mắt

tear

quí-hóa

to be kind

thu xếp

to arrange things

xưa kia

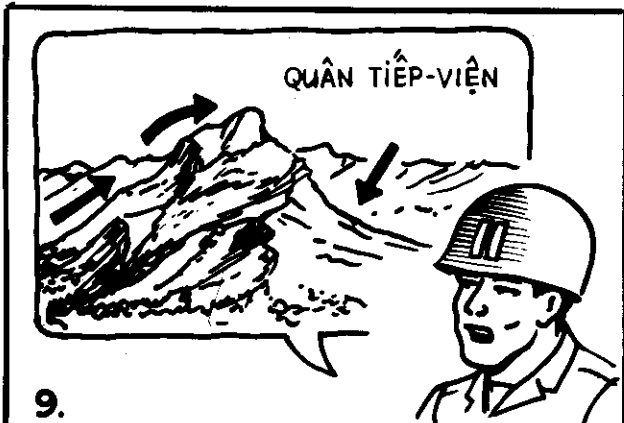
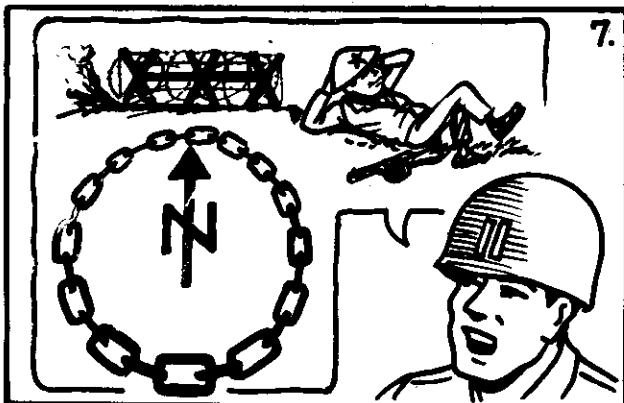
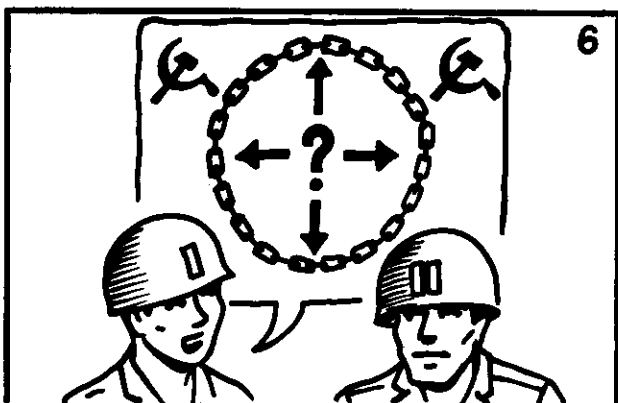
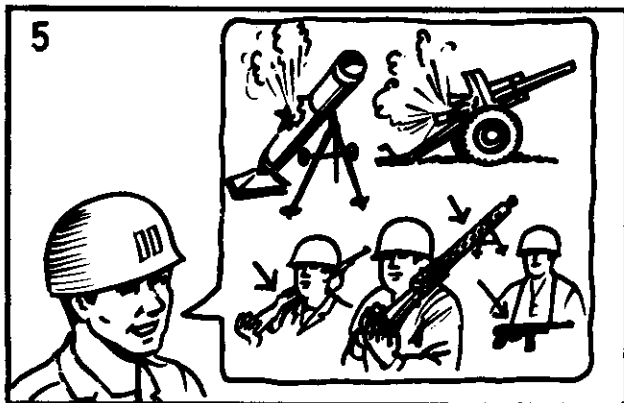
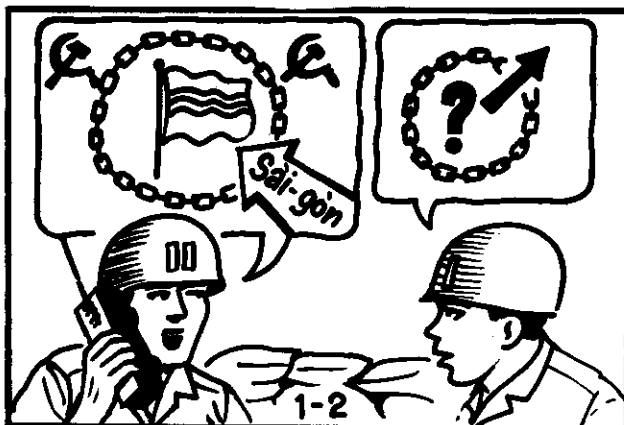
formerly

Câu hỏi:

1. Lưu-Bình và Dương-Lễ là ai?
2. Họ có chăm học không?
3. Học bao nhiêu năm thì họ thu xếp đi thi?
4. Ai thi đậu và làm quan to?
5. Còn Lưu-Bình thì sao?
6. Tại sao nhà của Dương-Lễ có lính gác?
7. Lưu-Bình nói gì với người lính gác?
8. Dương-Lễ nói gì với người lính gác?
9. Tại sao Lưu-Bình gạt nước mắt mà ăn cơm?
10. Nếu ông là Lưu-Bình, ông có giận bạn ông không?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Có ^{will} chí ^{mandarin} làm quan,
Có ^{courage} gan ^{rich} làm giàu."



BÀI THỨ BẢY MƯƠI BA

1. Đại-ủy: Quân ta bị bao vây chặt quá. Bộ tổng tư-lệnh từ Sài-gòn cho biết rằng quân tiếp-viện sẽ đến giải vây.
2. Trung-ủy: Làm thế nào mà phá vòng vây được?
3. Đ.U: Ta phải mở đường máu. Phi-cơ trực-thăng trang-bị hỏa-tiến sẽ yểm-hộ ta.
4. T.U: Chúng ta có phải mang theo khí-giới hạng nặng không?
5. Đ.U: Bộ chỉ-huy đã ra lệnh phá-hủy những khí-giới đó. Ta chỉ được mang theo khí-giới hạng nhẹ thôi.
6. T.U: Chúng ta sẽ phá vòng vây về phía nào?
7. Đ.U: Phía Bắc, vì phía Nam phòng-tuyến địch dầy lắm.
(Và lại) phía Bắc hiểm-trở và quân-địch không dễ-phòng mãy.
8. T.U: Vậy thì ta sẽ phải đi xuyên qua rừng, trèo qua núi.
9. Đ.U: Đúng rồi. Quân tiếp-viện sẽ chờ chúng ta ở bên kia núi.
10. T.U: Chúng ta phải dễ-phòng quân-địch rượt theo.
11. Đ.U: Hay lắm. Bộ tổng tư-lệnh muốn như vậy, vì sẽ có hai đại-đội ^{special} biệt-động-quân ^{mission} chờ để đánh tập-hậu.

Lesson 73

1. Dại-ủy: Our troops are tightly surrounded. Our headquarters in Saigon has informed us that reinforcement troops will come to break through the encirclement.
2. Trung-ủy: How can we break out (of the encirclement)?
3. D.U: We must open the bloody road. Helicopters loaded with rockets will support us.
4. T.U: Do we have to carry heavy arms?
5. D.U: The headquarters gave the order to destroy heavy arms. We can only bring along light arms.
6. T.U: In which direction shall we break the encirclement?
7. D.U: On the North, because the southern front line is very deep. Besides the Northern side is full of obstacles and the enemy isn't guarding it much.
8. T.U: In that case we have to bore our way through the forest and climb mountains.
9. D.U: Right. The reinforcement troops will wait for us on the other side of the mountain.
10. T.U: We have to watch out for the enemy's pursuit.
11. D.U: Very good. The headquarters want us to (watch out) because there will be two companies of rangers waiting to attack from the rear.

Ngũ-vũng

bao vây	to surround, to encircle
bộ chỉ-huy	command post, headquarters
dây	thick
<i>Solve prob</i> (giải) vây	to make a break thru the enemy lines
hiểm-trở	dangerous
không ... mây	not ... much
phá hủy ^{ashes}	to destroy
rừng	forest, woods, jungle
rượt theo	to follow after, to pursue
tổng-tu-linh	commander-in-chief
<i>equip</i> (trang) bị	to equip
vả lại	beside, but, in addition, and
vòng vây	encirclement, siege
xuyên	to bore through

chặt - after verb = tight

chặt - for things = tight

chặt = also means chop down

[?] hỏa tiễn
fire arrow



Nhà Hồ (1400-1407)

Nhà Hậu Trần (1407-1413)

Năm 1400, Lê-quí-Lý (^{sử gia}chiếm) ngôi nhà Trần. Lê-quí-Lý đổi tên là Hồ-quí-Lý vì (ông tổ) của Quí-Lý ngày trước là ^{house of} họ Hồ. Quí-Lý làm vua được một năm thì (^{abdicate}nhường ngôi) cho con là ^{son}Hồ-Thượng, nhưng các (^{power}quyền-hành) đều ở trong tay Hồ-quí-Lý cả.

Quí-Lý (^{reform}sửa đổi) nhiều việc trong nước, kêu thêm nhiều người (^{take soldiers}ra lính). Quí-Lý biết rằng nước Trung-hoa (^{big}to) và luôn luôn muốn (^{longue}đánh chiếm) nước Việt, vì thế muốn (^{resist}chống lại) nước Trung-hoa thì phải có quân mạnh. Tuy Quí-Lý là một người ^{talented} tài giỏi, ^{strive} răn làm cho nước mạnh, nhưng vẫn không được người trong nước ^{love & admire} mến-phục vì việc Quí-Lý (^{seize}cướp ngôi) nhà Trần.

Nhà Minh Trung-hoa có ý muốn đánh lấy nước Việt, nên (^{excuse}lấy cớ) là sang đánh Quí-Lý để giúp nhà Trần. Quí-Lý bị ^{defeated} thua và bị ^{captured} bắt. Bây giờ là năm 1407.

Sau khi ^{war}đánh nước Việt rồi, nhà Minh không (^{hand over power}trao) quyền lại cho nhà Trần. Con cháu nhà Trần chống lại quân Minh nhưng không làm gì được vì quân Minh mạnh quá. Từ năm 1413 nước Việt lại bị người Tàu ^{occupied}đoạt ^{dominated}độc.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

họ	family name
lây cớ	under the pretext of
mến-phục	to love and admire
ông tổ	ancestor
tài giỏi	talented
trao quyền	to hand the power

TIAM

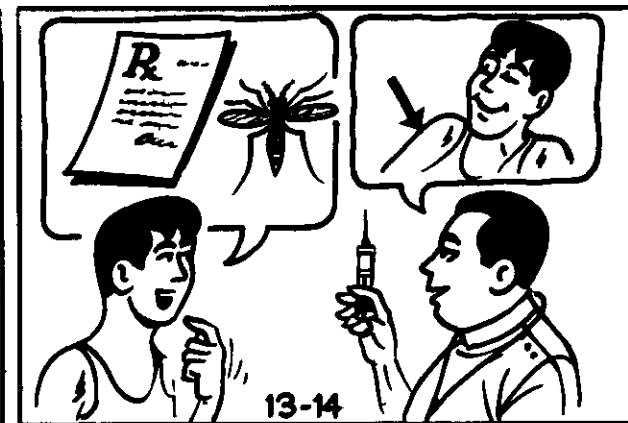
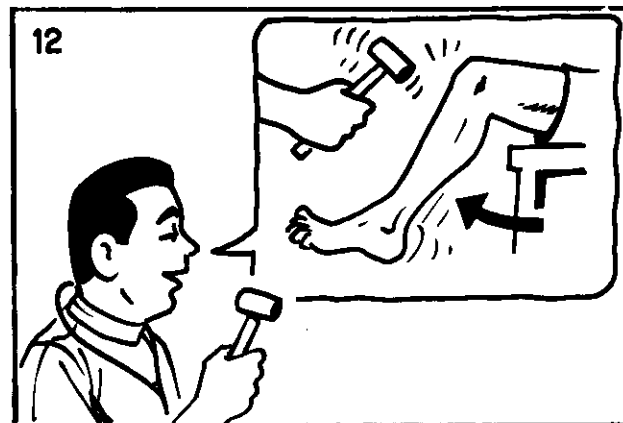
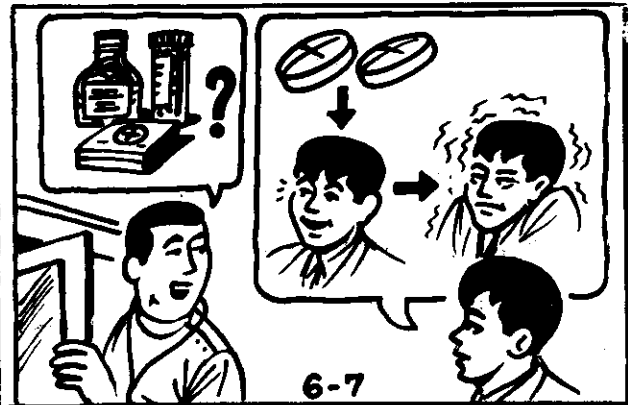
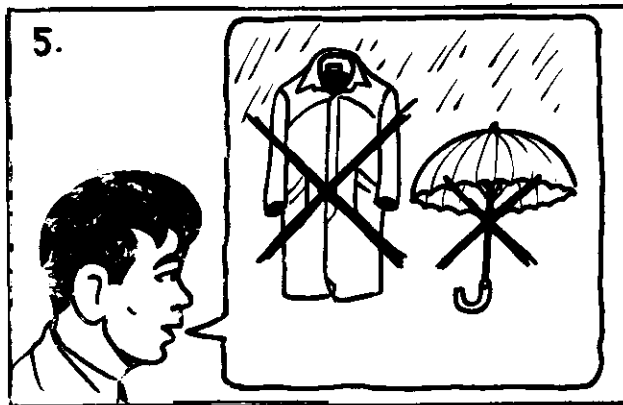
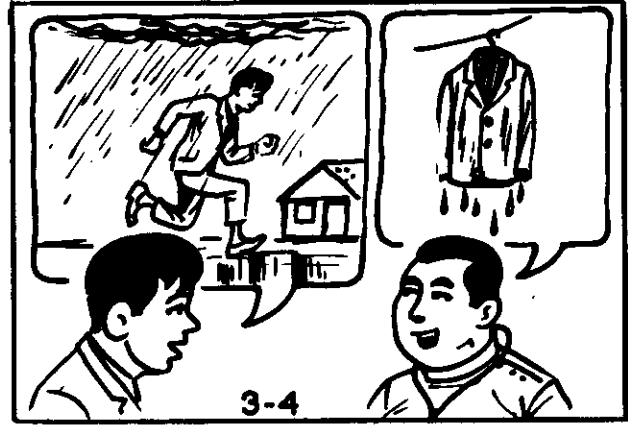
Câu hỏi:

1. Hồ-quý-Lý là ai?
2. Hồ-quý-Lý làm vua được mấy năm?
3. Sau khi nhường ngôi cho con rồi, Hồ-quý-Lý làm gì?
4. Người dân trong nước có mến-phục Hồ-quý-Lý không?
Tại sao?
5. Vì lẽ gì quân Minh sang đánh lấy nước Việt?
6. Nhà Minh có trao quyền lại cho nhà Trần không?
7. Nếu Hồ-quý-Lý không chiếm ngôi nhà Trần, Quân Trung-hoa có đánh chiếm được nước Việt không?

caston
cond's
parvula

Tục-ngữ Việt-Nam: ~~THAN~~

"Chín người yêu hơn ^{LOVE MORE} mười người ^{PEOPLE} ghét." ^{HATE}



BÀI THỨ BẢY MƯƠI BỐN

1. Ông Nhuận: Tôi bị cảm và ho nhiều, xin bác-sĩ khám bệnh cho tôi.
2. Bác-sĩ: Ông bị nóng từ bao giờ?
3. Ô.N: Thưa bác-sĩ, hôm qua tôi đi chơi giữa đường bị mắc mưa. Khi tôi về nhà, tôi bị nóng.
4. B.S: Chắc là nước mưa thấm vào người ông.
5. Ô.N: Dạ chắc vậy, vì tôi không đem theo áo mưa mà cũng không đem theo dù.
6. B.S: Ông đã uống thuốc gì chưa?
7. Ô.N: Dạ tôi đã uống hai viên thuốc cảm nên thấy hơi bớt, nhưng thỉnh-thoảng tôi còn thấy ớn lạnh.
8. B.S: Ông quay lưng lại đây và thở đều để tôi khám phổi cho ông.
9. Ô.N: Luôn tiện xin bác-sĩ khám các bộ phận khác cho tôi với.
10. B.S: Được lắm. Để tôi đi lấy cái búa gõ đã.
11. Ô.N: Chết chưa! Bác-sĩ định làm gì vậy?
12. B.S: Tôi muốn khám xem khớp xương và phản-ứng của dây thần-kinh của ông còn tốt nữa không?
13. Ô.N: Bác-sĩ làm ơn cho tôi xin một đơn-thuốc chữa bệnh nóng lạnh.

Ông cứ yên tâm

VS. L 74

14. B.S: Ông cứ yên tâm. Để tôi chỉch thuốc cho ông mau mạnh.
15. Ô.N: Xin cảm ơn bác-sĩ.

VS. L 74

Lesson 74

1. Ông Nhuận: I have a cold and I cough a lot, would you please examine me, doctor?
2. Bác-sĩ: When did you first start having a fever?
3. Ô.N: Doctor, I was taking a walk yesterday and got caught in the rain. When I got home, I had a fever.
4. B.S: You probably got soaked in the rain.
5. Ô.N: Yes, doctor. I didn't take a raincoat nor an umbrella with me.
6. B.S: Have you taken any medicine yet?
7. Ô.N: I took two cold tablets. That made me feel a little better, but once in a while I feel a little chilly.
8. B.S: Turn around and breath normally so I can examine your chest.
9. Ô.N: At your convenience, would you please examine the other organs for me?
10. B.S: All right. Let me go and get a wooden hammer first.
11. Ô.N: Oh dear! What do you intend to do, doctor?
12. B.S: I want to know whether your joints and reflexes are still good.
13. Ô.N: Doctor, would you please give me a prescription for malaria?

14. B.S: Don't worry. Let me give you an injection so
that you may recover quickly.
15. Ô.N: Thank you, doctor.

VS. L 74

Ngũ-vùng

bệnh nóng lạnh	malaria
bộ-phận	organ
búa	hammer
dây thần-kinh	nerves
dù (cây)	umbrella
gỗ	wood
ho	to cough
khớp xương	joints
lưng	the back (of a person or object)
mắc mưa	to be caught in a rain
nóng	fever
ớn lạnh	to have the shivers
Ông cứ yên tâm!	Don't worry!
phản-ứng	reaction
phổi	the lungs
thấm	to absorb, to seep through
thở	to breathe

PATTERN DRILL

đã "first"

- a. Anh đợi tôi ăn đã.
- b. Vô đây nói chuyện đã.
- c. Chúng ta học đã, rồi nói chuyện sau.
- d. Tôi phải đi Cựu-Kim-Sơn đã.

NOTE: When occurring at the end of a sentence đã can be translated "first", meaning that the action or state denoted by the sentence has to take place or exist first - before something else ensues.



Nông-nghiệp (tiếp theo)

2. Việc Cày Cấy

Muốn cấy lúa người ta phải cày ruộng trước. Người ta dùng trâu để cày: con trâu kéo cày đi trước, người nông-phu cầm cày theo sau, muốn cho lúa tốt phải cày thật sâu. Cày xong phải dùng bừa, cũng do trâu kéo, để làm cho đất bằng và nhỏ lại; cái bừa giống cái cào nhưng răng to hơn nhiều. Ruộng khô thì phải tát nước vào trước khi bừa. Bừa xong thì cấy lúa được.

Muốn có lúa cấy người ta phải gieo ^{sua} (mạ) mấy tháng trước, đến khi cây mạ ^{growing plants} lên cao độ 30 phân thì đem cấy. Người ta cấy xuống từng ^{canoe water level} năm nhỏ, cách nhau độ 50 phân. Từ đây người ta còn phải giữ cho mực nước ^{one or two inches} đều, không cao không thấp cho lúa lớn lên, và làm cỏ một hai lần cho tới khi lúa chín. Những chỗ đất không được tốt người ta lại còn phải bón ^{fertilize} phân nữa.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

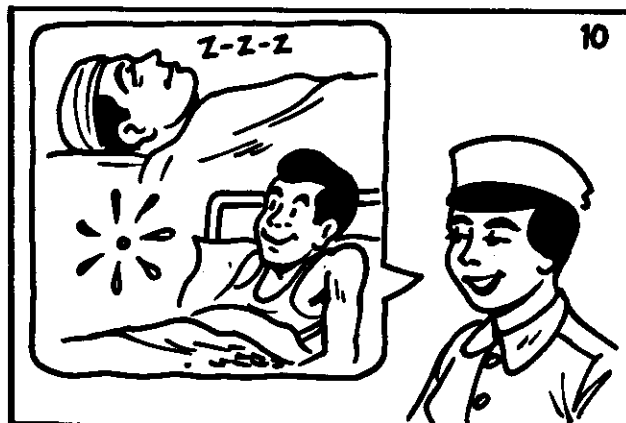
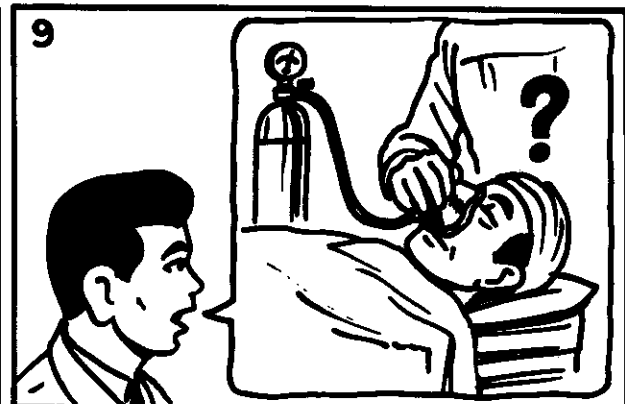
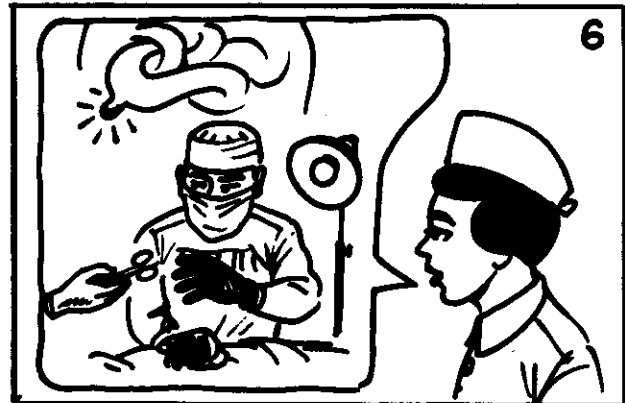
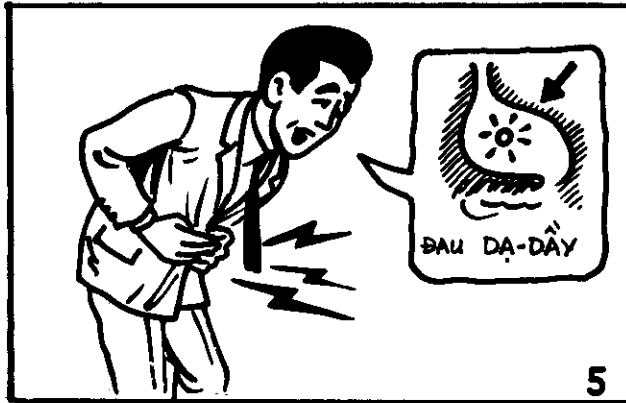
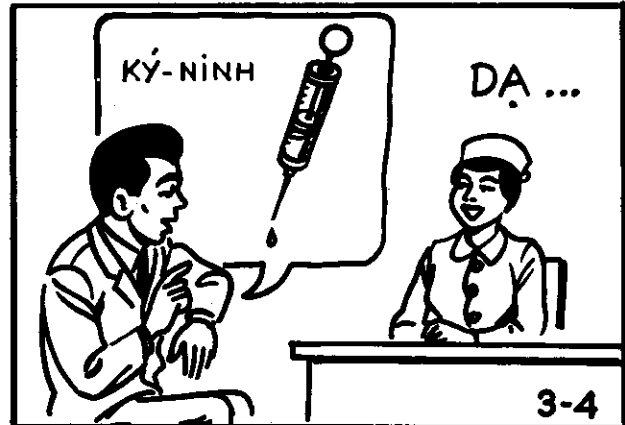
bừa	a harrow
cào	a rake
cày	to plough, a plough
cấy	to plant, grow
chín	ripe
gieo	to sow
làm cỏ	to weed
nắm	a handful
nông-phu	farmer, cultivator
việc cấy cấy	farming

Câu hỏi:

1. Tại sao người ta dùng trâu để kéo cây?
2. Tại sao phải cày ruộng trước khi cấy?
3. Bừa kéo bằng gì?
4. Tại sao ruộng khô phải tát nước vào?
5. Lúa chưa cấy gọi là gì?
6. Tại sao người ta phải bón phân?
7. Những chỗ đất như thế nào khỏi phải bón phân?
8. Tại sao người ta phải làm cỏ?
9. Ông nghĩ người nông dân Việt-Nam có phải làm việc quanh năm không? Tại sao?
10. Việc cấy cây ở Việt-Nam có giống với việc cấy cây ở Mỹ không? Ở chỗ nào?

Ca-dao tục-ngữ:

"Làm ruộng thì ra,
Làm nhà thì ^{say}tồn."



1. Bệnh nhân: Thưa cô, bác-sĩ dặn tôi hôm nay tối chiều đi điện.
2. Nữ-khẩn-hộ: Mời ông vô buồng khám bệnh.
3. B.N: Trong khi đợi bác-sĩ, xin cô chỉch cho tôi một mũi thuốc ký-ninh.
4. N.K.H: Dạ. Tôi sẽ chỉch cho ông một mũi ở cánh tay.
5. B.N: Có lẽ tôi cũng bị đau dạ-dây nữa, vì khi nào tôi cúi xuống thì thấy đau.
6. N.K.H: Chắc là ông bị đau ruột dư đó. Nếu đúng thì ông phải bị mổ.
7. B.N: Chết rồi, tôi sợ bị mổ quá!
8. N.K.H: Ông đừng lo. Ngày nay mổ ruột dư không còn nguy-hiểm nữa.
9. B.N: Thưa cô, tôi có phải hủi thuốc mê không?
10. N.K.H: Có chớ, hủi thuốc mê xong thì ông sẽ ngủ đi một giấc. Khi tỉnh dậy thì mọi sự đã xong rồi.
11. B.N: Cảm ơn cô. Đề tôi suy-nghĩ lại.

*cúi đầu = to bend head = bow
cúi còng = last.*

nguy hiểm

Lesson 75

1. Bình nhân: Miss, the doctor told me to come for an X-ray.
2. Nữ-khân-hộ: Will you come into the examination room?
3. B.N: While we're waiting for the doctor, would you please give me a quinine shot.
4. N.K.H: Yes. I shall give you a shot in the arm.
5. B.N: Perhaps I have an ulcer too, because whenever I bend over it hurts me.
6. N.K.H: You've probably got appendicitis. If so, you have to undergo an operation.
7. B.N: Oh dear! I'm scared of operations.
8. N.K.H: Don't worry. Nowadays there's absolutely no danger in an appendicitis operation.
9. B.N: Miss, shall I be anaesthetized?
10. N.K.H: Of course, when you're anaesthetized you'll fall asleep for a while. When you wake up, everything will be over.
11. B.N: Thank you, Miss. Let me think it over.

Ngủ-vụng

chiếu điện	to radiograph, X-ray
cúi xuống	to bend down
giấc	period of time spent in sleep
giấc ngủ	sleep
hửi	to smell
mở	to operate
mũi thuốc	an injection
ngày nay	nowadays, today
ruột	intestines
ruột dư	appendix
sự	affair, matter
suy-nghĩ	to think, reflect
thuốc mê	anaesthetic
tỉnh	to be conscious, awake
tỉnh dậy	to awaken

Truyện Lưu-Bình, Dương-Lễ (tiếp theo và hết)

Khi Lưu-Bình đi rồi, Dương-Lễ ^{called} gọi các vợ ra nói rằng:

"Tôi có một người bạn nghèo thi rớt tên là Lưu-Bình. Lưu-Bình vừa đến thăm tôi. Tôi không tiếp, ^{just} ^{welcome} ^{intention} có ý muốn làm cho bạn tôi ^{humans} ^{study} ^{to} ^{could replace me} phần-nợ và ^{study} ^{to} ^{could replace me} cố chỉ học tập. Vậy có ai thế tôi đi (nuôi) bạn và ^{raise} ^{encourage} ^{study} khuyến-khích ông ấy học-tập được không?"

Người vợ ba của ông Dương-Lễ tên là Châu-Long xin đi làm việc đó.

Châu-Long mang tiền và vàng đi kiếm thì gặp Lưu-Bình ở một ngôi chùa. Châu-Long giả làm một cô gái mồ-côi bị họ ^{pagoda} ^{pretended} ^{orphaned} ^{dispirited relatives} ^{left} ^{assured} ^{study} hàng khinh-rẻ nên bỏ nhà ra đi. Châu-Long nhận lời về ở với Lưu-Bình và sẽ lấy Lưu-Bình nếu ông này thi đậu.

Từ đó Lưu-Bình ^{then} ^{studious} ^{take care} chăm-chỉ học tập và Châu-Long thì ^{vitelen} ^{work} ^{sewing} ^{may} ^{và} lo việc (bếp nước), (may vá) cho Lưu-Bình ...

Lưu-Bình thi đậu, ^{happy} ^{hurry} (mừng) lắm (vội-vàng) về nhà để báo tin cho Châu-Long và làm lễ cưới. Nhưng về đến nhà thì Lưu-Bình không thấy Châu-Long đâu cả!

Ông nghĩ đến bạn Dương-Lễ, ^{hurry} vội-vàng đến thăm và cho bạn biết mình đã thi đậu. Ông cũng sẽ làm quan như Dương-Lễ.

Chắc lần này thi bạn ^{perhaps} ^{maybe} (không dám) ^{deceive} ^{deceive} khinh nữa.

Lần này thi Dương-Lễ ^{welcomed warmly} tiếp-đón niềm nở. Trong khi nói chuyện, Lưu-Bình ^{retold} kể lại chuyện có người con gái đẹp đã nuôi, và giúp mình ^{him} ^{study} ^{disappear} ^{took care} ^{of him} ăn học, nay thi đậu người ấy biến đi mất. Có lẽ người ấy là ^{being} ^{sent by god} tiên do trời sai xuống để giúp mình.

immediately
Dương-Lễ *send for* liền gọi các vợ ra mừng *happy* bạn. Thầy Châu-
stood up
Long, Lưu-Bình với đứng dậy, cảm ơn vợ chồng bạn.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

báo tin	to inform
biến đi	to disappear
bỏ nhà	to leave home
cố chí	decided to, determined to
giả	to pretend, fake
họ-hàng	relative, family
học tập	to study
khinh-rẻ	to scorn, disdain
lễ cưới	wedding ceremony
may vá	sewing
mồ-côi	orphaned
nhận lời	to accept
phẫn-nộ	to be furious
thê	to replace
tiếp-đón	to welcome
việc bếp nước	cooking
vàng	gold
vội-vàng	to act in a hurry

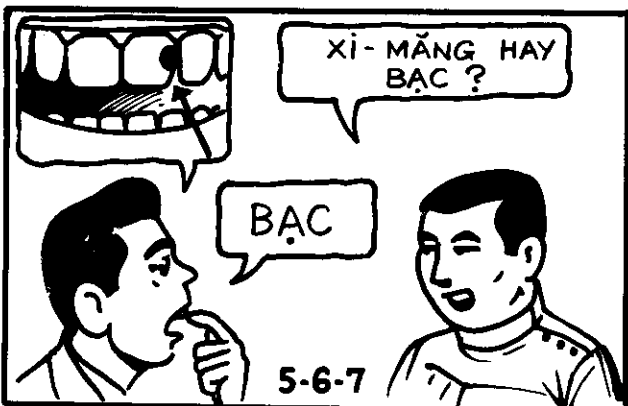
Câu hỏi:

1. Tại sao Dương-Lễ không muốn tiếp bạn?
2. Dương-Lễ nói gì với các bà vợ của ông?
3. Châu-Long đi tìm Lưu-Bình có được không? Ở đâu?
4. Châu-Long nhận lời với Lưu-Bình như thế nào?
5. Gặp Châu-Long, Lưu-Bình có học tập được không?
6. Lưu-Bình thi đậu rồi, Châu-Long làm gì?
7. Mất Châu-Long, Lưu-Bình đi đâu?
8. Lần này Dương-Lễ có tiếp bạn không?
9. Về sau, làm thế nào mà Lưu-Bình biết Châu-Long là vợ bạn?
10. Ông nghĩ chuyện Lưu-Bình, Dương-Lễ có hay không? Tại sao?

Tục-ngũ Việt-Nam:

"Giàu vì bạn,

Sang vì vợ."



1. Ông Phan: Thưa ông, hàm dưới của tôi bị sưng.
Tôi không nhai được nên phải ăn cháo.
2. Nha-sĩ: Ông há miệng ra để tôi xem. Ông có hai
cái răng hàm bị sâu phải nhổ.
3. Ô.P: Thưa ông, không biết tại sao hàm trên của tôi
có mấy cái răng lung-lay quá.
4. N.S: Để tôi chiếu-diện xem. Nếu cần nhờ thì tôi sẽ
làm cho ông răng giả.
5. Ô.P: Cái răng của của tôi bị lung lổ, xin ông trám
giùm tôi.
6. N.S: Ông muốn trám lỗ đó bằng xi-măng hay bằng bạc?
7. Ô.P: Dạ bằng bạc.
8. N.S: Ông có muốn làm răng vàng không?
9. Ô.P: Dạ không, vì đắt tiền lắm.
10. N.S: Bây giờ xin ông súc miệng rồi nhờ nước đi.
Thứ hai sau mời ông tới tôi khám lại.
11. Ô.P: Thưa ông, làm sao phòng-ngừa bệnh đau răng
được?
12. N.S: Ông nên ăn nhiều đồ mềm, uống nhiều sữa, đừng
ăn nhiều kẹo, và nhất là phải đánh răng thường.
13. Ô.P: Cảm ơn ông. Chào ông.

Lesson 76

1. Ông Phan: Sir, my lower jaw is swollen. I can't chew, that's why I have to eat rice soup.
2. Nha-sĩ: Please open your mouth. You have two cavities in your molars. They'll have to be pulled out.
3. Ô.P: Sir, I don't know why my upper jaw has a few teeth loose.
4. N.S: Let me make an x-ray. If they'll have to be pulled out I'll make you some false teeth.
5. Ô.P: My front tooth has a cavity, would you fill it for me?
6. N.S: Do you want cement or silver for that filling?
7. Ô.P: Silver, please.
8. N.S. Do you want to have some of your teeth covered with gold?
9. Ô.P: No, because it's too expensive.
10. N.S: Now, rinse your mouth. Please come back next Monday for another examination.
11. Ô.P: Sir, how do you prevent cavities?
12. N.S: You should eat a lot of sea food, drink a lot of milk, don't eat too much candy, and especially you have to brush your teeth very often.
13. Ô.P: Thank you. Good-bye.